

Về kinh tế tài chính năm 2009 – những thách thức và giải pháp phát triển đối với Việt Nam

Nguyễn Văn Song

(Phòng Tổng hợp nghiệp vụ, đào tạo – Cục Thuế TP.HCM)

PHẦN 1: Nguyên nhân, diễn biến, tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu đối với kinh tế tài chính Việt Nam giai đoạn 2009 – 2010:

Ngày nay ở khắp nơi, người ta đều bàn luận và hơn thế nữa đều phải áp dụng những biện pháp khẩn cấp ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu để ứng phó với cuộc khủng hoảng tài chính trầm trọng "hàng thế kỷ mới có một lần". Cuộc khủng hoảng lần này không tha bất cứ ai; mọi nền kinh tế ít nhiều sẽ chịu tác động của nó vì các nền kinh tế đã ngồi chung trên một con thuyền, khi sóng to gió lớn thì không ai có thể tránh được nồm nao. Nền kinh tế nước ta cũng không phải là ngoại lệ. Kinh tế nước ta chịu tác động nhiều hay ít sẽ còn tùy thuộc vào độ sâu và độ dài của cuộc khủng hoảng hiện nay.

1/ Nguyên nhân, diễn biến và bản chất của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu hiện nay:

Trước hết, những nguyên nhân đưa đến tình trạng này và những hệ lụy của nó. Mọi người đều biết nguyên nhân trực tiếp là những sai lầm của hệ thống ngân hàng Mỹ đã cho vay quá dễ dãi, nhất là trong việc cấp tín dụng cho kinh doanh bất động sản, tùy tiện khi cho khách hàng vay tiền để mua bất động sản qua các hợp đồng cho vay không đạt tiêu chuẩn. Và trong thời đại toàn cầu hóa, khi các ngân hàng toàn cầu có mối quan hệ tín dụng đan xen nhau hằng nhật, cuộc khủng hoảng tài chính của nền kinh tế lớn nhất là Mỹ đã nhanh chóng lây lan sang các nước khác như hiệu ứng đô-mi-nô.

Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng hiện nay ẩn chứa nhiều nguyên nhân sâu xa và sẽ gây ra nhiều tác động rộng lớn hơn nhiều. Đó là hậu quả của xu hướng phát triển quá nhanh của hệ thống tài chính - tiền tệ, trong đó tiền tách khỏi hàng, tiền đẻ ra tiền với giá trị lớn hơn giá trị hàng hóa hàng trăm lần; lượng tiền khổng lồ đó lại được chuyển dịch nhanh chóng, chẳng chịt tới mức không ai kiểm soát nổi. Có thể nói đó là một nền "kinh tế ảo", "tiền tệ ảo" chưa có tiền lệ.

Cuộc khủng hoảng lần này còn đóng lên hồi chuông cảnh báo về vị trí lãnh đạo đã bị lung lay của nền tài chính Mỹ trong nền tài chính toàn cầu. Đồng thời, báo hiệu về một hiện tượng mới: đó là vị trí của các nền kinh tế mới nổi. Bên cạnh đó, vai trò của các thể chế tài chính - tiền tệ toàn cầu như WB, IMF, WTO.

Trước mắt, người ta đang buộc phải tung ra mấy nghìn tỷ USD từ dự trữ hoặc từ ngân sách để cứu vãn tình hình, chủ yếu theo 5 hướng: bơm tiền cho các ngân hàng cạn vốn; mua lại các khoản nợ xấu hoặc các giấy tờ có giá trị của ngân hàng; Nhà nước mua cổ phần hay quốc hữu hóa các ngân hàng gặp nạn; nâng mức bảo hiểm tiền gửi và, IMF phải cấp tín dụng cho một số nước không có khả năng cứu vãn các ngân hàng đang có nguy cơ sụp đổ. Những biện pháp trên được tiến hành đi đôi với quyết định hạ lãi suất cơ bản liên tục để kích thích nền kinh tế.

Nhiều người cho rằng, hiện nay thế giới mới phải đối mặt với khủng hoảng tài chính - tiền tệ chứ chưa phải là khủng hoảng kinh tế vì tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới năm nay vẫn ở mức "dương". Nhưng rõ ràng, sự tăng trưởng ấy đang chậm lại, kinh tế một số nước đã rơi vào suy thoái và nguy cơ suy thoái toàn cầu là hiện thực. Điều đó thể hiện ở chỗ, các chỉ số trên thị trường chứng khoán nhiều nước dao động dữ dội, có lúc thuyên giảm hàng chục phần trăm, tiêu dùng thu hẹp đáng kể, giá cả nhiều mặt hàng giảm mạnh, tỷ lệ thất nghiệp tăng vọt...

2/ Đánh giá tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu đối với kinh tế tài chính Việt Nam giai đoạn 2009 – 2010:

Khủng hoảng tài chính Mỹ lan dần ra toàn cầu, dù chưa chịu những tác động trực tiếp, nhưng nền kinh tế Việt Nam cũng khó tránh khỏi bị ảnh hưởng. Những ảnh hưởng đã được dự báo ngay sẽ đến với tình hình xuất khẩu hay thu hút đầu tư nước ngoài. Từ đây, một hướng giải pháp Việt Nam có thể tập trung tìm cách tăng sức mua cho thị trường trong nước rất tiềm năng với hơn 80 triệu người, trong bối cảnh các hoạt động kinh tế tài chính liên thông thế giới dễ chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng hiện nay.

Kinh tế nước ta chịu tác động nhiều hay ít sẽ còn tùy thuộc vào độ sâu và độ dài của cuộc khủng hoảng hiện nay. Tuy nhiên, trước mắt có thể hình dung một số tác động sau:

+ Xuất khẩu sẽ chịu tác động kép trên cả ba phương diện: đơn đặt hàng sẽ ít đi do bạn hàng giảm nhập khẩu vì những khó khăn về tài chính - kinh tế ở nước họ, nhu cầu của người tiêu dùng giảm; giá cả nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của ta như dầu thô, lúa gạo, cao-su, cà-phê, thủy sản... đều giảm. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, kể cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, sẽ co lại do gặp khó khăn về vốn và đầu ra.

+ Về nhập khẩu, một mặt có khả năng giảm bớt nhập siêu do giá cả nhiều mặt hàng nhập khẩu giảm, nhu cầu trong nước cũng ít đi, từ đó lạm phát sẽ dịu bớt. Nhưng mặt khác, lại nảy sinh khả năng nhập khẩu sẽ gia tăng do giá cả trên thị trường thế giới thuyên giảm, thuế suất hạ thấp theo các cam kết quốc tế và điều này sẽ gây sức ép mạnh lên sản xuất trong nước.

+ Nguồn vốn có nhân tố nước ngoài cũng có khả năng giảm. Tuy cam kết về FDI cao, nhưng mức độ giải ngân sẽ có vấn đề do các nhà đầu tư nước ngoài gặp khó khăn trong huy động vốn và tiêu thụ sản phẩm; cũng vì lý do đó, có thể đầu tư trực tiếp (FDI) sẽ giảm, ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường chứng khoán nước ta. Nguồn kiều hối từ cả phía cộng đồng người Việt ở nước ngoài lẫn lao động xuất khẩu có thể sẽ không dồi dào. Thu nhập từ dịch vụ, kể cả du lịch, kinh doanh tài chính - tiền tệ, vận tải đều có thể giảm.

+ Về tài chính tiền tệ, sự giao dịch, vay mượn sẽ không dễ dàng, và ẩn chứa nhiều rủi ro hơn; tỷ giá các đồng tiền, giá vàng sẽ dao động mạnh, gây khó khăn cho sản xuất, kinh doanh.

Dưới tác động của những nhân tố trên, mức độ đầu tư, huy động vào ngân sách, tiêu dùng trong nước, cân cân thanh toán, công ăn việc làm... đều có thể bị ảnh hưởng, từ đó tốc độ tăng trưởng cũng sẽ chịu tác động và có thể nảy sinh những vấn đề xã hội mới. Cuộc khủng hoảng giữa những năm 90 thế kỷ trước nổ ra tại các nền kinh tế không lớn, tác động không nhiều như lần này nhưng cũng đã làm cho kinh tế nước ta gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng GDP từ 8,2% năm 1997 xuống còn 5,8% năm 1998 rồi 4,8% năm 1999, chỉ từ năm 2000 mới phục hồi dần, mãi tới năm 2005 mới lấy lại được tốc độ 8,4%. Trên một khía cạnh khác, theo dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia, không chỉ gây ảnh hưởng trực tiếp đến xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ, mà cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ còn tác động gián tiếp đến tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang EU và Nhật Bản – hai thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam. Phân tích của các chuyên gia kinh tế cho thấy, do bị tác động mạnh từ cuộc khủng hoảng, người tiêu dùng của các thị trường này cũng phải cắt giảm chi tiêu, nên nhu cầu nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng sẽ có xu hướng giảm.

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế thì kinh tế Mỹ có thể phải tới cuối năm 2010 mới phục hồi, người tiêu dùng Mỹ sẽ phải cắt giảm chi tiêu, kéo theo cầu nhập khẩu hàng hóa giảm, vì vậy, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ khó có thể đạt mức 30%/năm như trong thời gian qua, mà chỉ đạt khoảng 20% trong giai đoạn 2009 – 2010. Các thị trường EU, Nhật Bản cũng sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc khủng hoảng của Mỹ

Không chỉ xuất khẩu bị ảnh hưởng mà theo Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia, cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ sẽ tác động không nhỏ tới thị trường tài chính - tiền tệ, thị trường chứng khoán, bất động sản và cả vấn đề giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Tuy vậy, những tác động này được cho là sẽ có một độ trễ nhất định, do sự hội nhập quốc tế về tài chính, tiền tệ của Việt Nam chưa sâu và chưa toàn diện.

3/ Đánh giá hiệu quả những chính sách, biện pháp ứng phó đối với cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu của các nước và Việt Nam:

Hội nghị Hội đồng Thống đốc SEACEN lần thứ 28 diễn ra tại Kuala Lumpur, Malaysia ngày 6-7/02/2009 trong bối cảnh IMF đã hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2009 từ mức 2,2% (công bố tháng 11/2008) xuống mức thấp kỷ lục 0,5% (công bố tháng 1/2009) và dự báo nền kinh tế toàn cầu chỉ có thể phục hồi vào năm 2010, tùy thuộc vào các biện pháp chính sách mạnh được áp dụng. Dự báo tăng trưởng của các nền kinh tế chủ chốt của thế giới cũng giảm đáng kể so với mức dự báo đưa ra vào tháng 11/2008 với mức tăng trưởng âm lên tới -2,6% tại Nhật Bản, -2% tại khu vực đồng Euro, -1,6% ở Mỹ, -4,0% tại Hàn Quốc, -4,9% tại Singapore trong khi tăng trưởng tại Malaysia và Thái Lan tương ứng giảm xuống còn 1,4% và 1,5%. Đối với khu vực Châu Á, mặc dù không nằm trong trung tâm của cuộc khủng hoảng nhưng nguy cơ đối với khu vực này ngày càng tăng trước những diễn biến tiêu cực trong môi trường tài chính và kinh tế vĩ mô toàn cầu.

Khi cuộc khủng hoảng xảy ra, nhiều nước phải đối mặt với tình trạng xuất khẩu giảm sút mạnh và các luồng vốn đảo chiều (bao gồm cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp). Vừa qua, IMF đã giảm một nửa con số dự báo tăng trưởng của Châu Á trong năm 2009 xuống còn 2,5% do các nền kinh tế mở của Châu Á đặc biệt phụ thuộc vào xuất khẩu và do vậy dễ bị tác động bởi tình trạng cầu giảm đang diễn ra ở Mỹ và Châu Âu.

Để giải quyết cuộc khủng hoảng này, Hội nghị Hội đồng Thống đốc SEACEN lần thứ 28 đã thống nhất quan điểm: các nước cần có những biện pháp ứng phó và phối hợp tốt trên phạm vi toàn cầu. Những biện pháp đơn lẻ của từng nước như đã thực hiện trong năm 2008 là không đủ. Điều này không có nghĩa là tất cả các nước đều phải hành động giống nhau và không có một giải pháp chung cho tất cả các nước. Các biện pháp giải quyết khủng hoảng được Hội nghị đưa ra tập trung vào ba vấn đề: niềm tin, việc làm và tiêu dùng, cụ thể:

▪ Thứ nhất là khôi phục ổn định trên thị trường tài chính:

Vấn đề trung tâm hiện nay là tâm lý và giảm lòng tin trên toàn thế giới. Các nhà đầu tư đánh mất niềm tin vào các công ty, đặc biệt là các ngân hàng do lo ngại về tình trạng thua lỗ tiếp tục xảy ra. Tiêu dùng giảm do lo ngại về khả năng mất việc làm. Do vậy, mục tiêu trọng tâm hiện nay phải là khôi phục niềm tin. Ở cấp độ toàn cầu, điều này có nghĩa là các chính phủ và Ngân hàng Trung ương cần phải hành động một cách quyết đoán để nhà đầu tư có thể tin tưởng vào khả năng thanh toán và tồn tại của các định chế tài chính, đồng thời phải cam kết một cách đáng tin cậy sẽ thực hiện các biện pháp đủ để xử lý nguy cơ tái diễn tình trạng “Đại suy thoái”. Do vậy, ổn định tài chính là vấn đề then chốt để phục hồi kinh tế thế giới.

Trong bối cảnh cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay, những vấn đề quan trọng đặt ra đối với hoạt động thanh tra tài chính, ngân hàng: Tăng cường công tác điều phối, phối hợp hoạt động, trao đổi thông tin trong hoạt động thanh tra giám sát; tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thanh tra ngân hàng nhằm đảm bảo an toàn, ổn định cho hệ thống. Chính phủ cần đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu ngân hàng, tập trung làm trong sạch bảng cân đối tài sản thông qua các biện pháp như:

(i) Đánh giá lại bảng cân đối tài sản trong tình huống xấu nhất, xác định khả năng tồn tại của các tổ chức và tiến hành tái cơ cấu nếu thấy cần thiết. Các cơ quan chức năng cần sẵn sàng ứng phó khi cần thiết, kể cả việc can thiệp một cách đầy đủ;

(ii) Hỗ trợ từ nguồn vốn công khi cần thiết cho các ngân hàng có khả năng phục hồi, xử lý tài sản xấu và bảo lãnh;

(iii) Nhanh chóng bán hay giải thể các ngân hàng mất khả năng thanh toán, tùy thuộc giá trị thương hiệu có còn hay không;

(iv) Thành lập tổ chức thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm quản lý "tài sản xấu".

Ngay cả khi đã có những biện pháp này thì vẫn mất nhiều thời gian mới khôi phục được tăng trưởng tín dụng. Các biện pháp nêu trên sẽ rất tốn kém đối với Chính phủ nhưng tổn thất do khủng hoảng ngân hàng sẽ còn cao hơn nếu vấn đề không được giải quyết nhanh chóng.

▪ **Thứ hai là chương trình kích cầu:**

Trong thời gian qua, rất nhiều nước đã thực hiện các gói giải pháp kích cầu trong nước. Các Ngân hàng Trung ương trên thế giới đã có những phản ứng nhanh và quyết đoán nhằm giải quyết tình hình. Các ngân hàng Châu Á cũng đã hành động một cách quyết đoán như: Cơ quan Tiền tệ Singapore đã nói lỏng chính sách tiền tệ ngay từ đầu cuộc khủng hoảng, Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ và Ngân hàng trung ương Hàn Quốc đi đầu trong việc cắt giảm lãi suất. Tuy nhiên, các biện pháp chính sách tiền tệ không đủ để giải quyết những đổ vỡ trên thị trường tài chính, mà cần phải kết hợp với biện pháp kích thích tài khóa để khôi phục tăng trưởng toàn cầu. Nhưng không phải tất cả các nước đều có thể sử dụng biện pháp kích thích tài khóa do không thể tăng thâm hụt ngân sách. Điều này cho thấy một điểm quan trọng là mỗi nước có biện pháp riêng của mình và kích thích tài khóa chỉ là một trong những biện pháp kích cầu trong nước. Ngoài ra, cần phải chú ý các gói chính sách tài khóa và tiền tệ mở rộng quy mô lớn nhằm kích thích tăng trưởng trong ngắn hạn để vượt qua khủng hoảng có thể gây lạm phát và mất ổn định vĩ mô trong trung và dài hạn sau khi cuộc khủng hoảng qua đi. Do vậy, vấn đề liều lượng và quy mô của các gói chính sách kích cầu là đặc biệt quan trọng, đồng thời các nước cần chuẩn bị sẵn các biện pháp cho giai đoạn hậu khủng hoảng nhằm chuẩn bị đối phó với các nguy cơ từ gói giải pháp kích cầu, đảm bảo tăng trưởng ổn định và bền vững, bao gồm:

- Về phía chính sách tài khóa: Những nước áp dụng chính sách tài khóa mở rộng để kích thích tiêu dùng nhưng lại có tỷ lệ tiết kiệm thấp sẽ phải đối mặt với nguy cơ tình trạng thâm hụt cán cân vãng lai trầm trọng hơn, nợ nước ngoài tăng, ngân sách không bền vững trong trung hạn và có thể xảy ra "khủng hoảng tài khóa".

- Về phía chính sách tiền tệ: Chính sách tiền tệ quá nới lỏng có thể sẽ dẫn tới tình trạng "bẫy thanh khoản" (cung tiền quá mức nhưng không thể thúc đẩy tăng trưởng) và việc duy trì chi phí vốn quá thấp trong thời gian dài có thể gây ảnh hưởng xấu trong dài hạn tới tiết kiệm và đầu tư.

Do vậy, việc thực hiện chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ mở rộng cần được nghiên cứu kỹ và có tầm nhìn trung và dài hạn nhằm duy trì được lòng tin của công chúng vào sự ổn định và bền vững về mặt vĩ mô trong tương lai. Các biện pháp chính sách của mỗi nước phải tính đến mối quan hệ gắn kết giữa các nền kinh tế và biện pháp của nước này có thể gây ảnh hưởng sâu sắc tới những nước khác. Tránh áp dụng các biện pháp kích cầu nhưng mạnh tính bảo hộ gây ảnh hưởng xấu tới thương mại quốc tế và đặc biệt là gây tổn hại tới các nền kinh tế mới nổi có tăng trưởng lệ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay từ các ngân hàng nước ngoài.

▪ **Thứ ba là phối hợp các chính sách trong nước để giải quyết khủng hoảng:**

Ở các quốc gia mà chức năng ổn định tài chính thuộc trách nhiệm của nhiều cơ quan quản lý, cần phải có một cơ chế đảm bảo đưa ra được những chính sách mang tính nhất quán, có sự phối hợp và phân định rõ vai trò và trách nhiệm của các bên.

Một số khó khăn trong quá trình phối hợp chính sách gồm: (i) Thiếu trao đổi thông tin giữa các cơ quan liên quan; (ii) Công bố thông tin cho công chúng để khôi phục niềm tin; (iii)

Khuôn khổ pháp lý yếu; (iv) Thiếu nguồn lực và năng lực để đảm bảo hiệu quả hợp tác giữa các cơ quan quản lý. Giải pháp để tháo gỡ những khó khăn này là:

- Khuôn khổ pháp lý hỗ trợ xây dựng những biện pháp can thiệp kịp thời và có trật tự: Những thay đổi nhanh chóng trong môi trường hoạt động đòi hỏi phải có đánh giá tổng thể về khuôn khổ pháp lý quy định về quyền hạn, công cụ và những yêu cầu đối với các cơ quan quản lý trong việc đưa ra những can thiệp và giải pháp kịp thời. Nhìn chung, những quy định pháp lý điều chỉnh hoạt động thanh tra, quyền lợi của nhà đầu tư, phá sản doanh nghiệp, bảo mật thông tin thường được xây dựng độc lập với nhau để bảo đảm cân bằng lợi ích giữa các nhóm đối tượng và được thực thi bởi các cơ quan khác nhau. Do vậy có thể có những quy định pháp lý xung đột, gây cản trở cho việc thực hiện những giải pháp can thiệp kịp thời và có trật tự.

- Có đủ nguồn lực, năng lực và hợp tác hiệu quả giữa các cơ quan quản lý để đảm bảo thực hiện chính sách có hiệu quả: Trong cuộc khủng hoảng tài chính hiện tại vai trò "Người cho vay cuối cùng" của Ngân hàng Trung ương đã có những điều chỉnh so với cách hiểu truyền thống như: (i) Kéo dài thời kỳ hỗ trợ thanh khoản; (ii) Mở rộng phạm vi các tài sản được phép cầm cố và danh sách các tổ chức được tham gia; (iii) Cho phép hoán đổi các chứng khoán không có khả năng thanh khoản lấy trái phiếu chính phủ. Ngoài ra, nhiều biện pháp can thiệp khác cũng được áp dụng như mua lại nợ, bảo lãnh nợ và tiền gửi, tặng vốn. Tuy nhiên, những biện pháp can thiệp như vậy đã chuyển những rủi ro tín dụng và thị trường lên bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng Trung ương. Hơn nữa việc chấp nhận những tài sản đảm bảo thiếu tính thanh khoản cũng tạo ra những quan ngại về các vấn đề định giá, rủi ro đạo đức... vì rất khó xác định được cách định giá phù hợp đối với các sản phẩm tài chính có độ phức tạp cao và ít được giao dịch. Do vậy, phần lớn các Ngân hàng trung ương trong khu vực đã không ngừng tăng cường khuôn khổ quản lý thanh khoản và có những độ linh hoạt nhất định trong việc đưa ra những điều chỉnh cần thiết để có thể đối phó được những tình huống thiếu hụt thanh khoản có thể xảy ra trên thị trường hoặc đối với từng tổ chức cụ thể. Điều này cũng đòi hỏi Ngân hàng trung ương phải tăng cường khả năng kiểm soát rủi ro và đội ngũ chuyên gia.

- Tăng cường cung cấp thông tin để loại bỏ tâm lý bất ổn và khôi phục lòng tin: Vấn đề khủng hoảng lòng tin trong cuộc khủng hoảng này đã một lần nữa cho thấy các chiến lược truyền thông cho các nhóm đối tượng cần phải được coi là một phần đặc biệt quan trọng trong các giải pháp chính sách, vì những tác động về lòng tin có thể trở thành kênh truyền dẫn chính cho những lây lan khủng hoảng giữa các nước, cũng như giữa các khu vực kinh tế. Vấn đề công bố và trao đổi thông tin có thể có tác động tích cực hoặc tiêu cực đối với hiệu quả chính sách, tùy thuộc vấn đề thời điểm công bố và mức độ chi tiết của thông tin. Trong bối cảnh biến động tài chính như hiện nay, việc thiếu những tuyên bố, thông cáo về chính sách thường dẫn đến tình trạng mất lòng tin. Tuy nhiên, trong một số trường hợp việc cung cấp quá nhiều thông tin cũng có thể gây ra những hoảng loạn không cần thiết do những nhóm đối tượng khác nhau có những nhìn nhận, đánh giá khác nhau về khủng hoảng.

▪ ***Thứ tư là điều phối chính sách trên phạm vi toàn cầu-vai trò của IMF:***

Theo đánh giá của IMF, các nước hầu như không có sự phối hợp chính sách trên phạm vi quốc tế trước khi xảy ra khủng hoảng và trong quá trình xảy ra khủng hoảng, các biện pháp chính sách ban đầu vẫn không mang tính phối hợp mà chỉ tự điều phối bên trong mỗi nước. Ví dụ, nhiều nước vội vàng bảo vệ các ngân hàng của nước mình thông qua biện pháp bảo lãnh, qua đó gây nguy cơ tháo chạy ra khỏi các hệ thống đã được bảo vệ kém hơn ở các nước láng giềng, trong khi đó việc hỗ trợ thanh khoản lại chủ yếu hướng tới các định chế tài chính trong nước. Do đó, công tác quản lý thị trường tài chính cần phải thay đổi. Cùng với quá trình toàn cầu hóa các thị trường tài chính, các nước cần tăng cường hợp tác trong lĩnh vực quản lý, giám sát khu vực tài chính. Cần tăng cường tiếng nói của các nền kinh tế đang nổi trên các diễn đàn quốc tế về giải quyết các vấn đề kinh tế toàn cầu, đồng thời IMF đóng vai trò đặc biệt trong quá trình điều phối chính sách và giám sát ổn định kinh tế toàn cầu bởi vị trí và kinh nghiệm của IMF trong việc giám sát kinh tế vĩ mô toàn cầu. Trong cuộc khủng hoảng

hiện nay, IMF đã cung cấp những khoản hỗ trợ đáng kể cho Hungary, Ukraine, Pakistan, Iceland, Latvia và Belarus, tăng cường hỗ trợ cho nhiều nước thu nhập thấp và sẵn sàng cho vay nhiều hơn. Tháng 11/2008, Quỹ đã cho vay một lượng tiền kỷ lục mà Quỹ từng cho vay trong 1 tháng. Tuy nhiên, để có đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình, IMF cần có đủ nguồn lực và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức hợp tác khu vực như SEACEN và ASEAN +3. Vừa qua, IMF đã kêu gọi các nước thành viên đóng góp thêm, tăng gấp đôi nguồn vốn của IMF lên 500 tỷ USD nhằm có đủ khả năng đối phó với khủng hoảng.

▪ ***Thứ năm là biện pháp chính sách khắc phục tác động của khủng hoảng:***

- Về quản lý thanh khoản và thị trường: tăng cường cung cấp thanh khoản cho thị trường, bảo lãnh cho vay và bảo lãnh tiền gửi để duy trì lòng tin của thị trường đối với hệ thống tài chính.

- Về tiền tệ: do lạm phát trong khu vực tiếp tục có xu hướng đi xuống trong bối cảnh giá cả hàng hóa toàn cầu giảm, hầu hết các nước trong khu vực đều nói lỏng chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng với mức cắt giảm lãi suất tính từ đầu năm 2008 đến nay từ 50 đến 525 điểm cơ bản.

- Về tài khóa: một số nền kinh tế như Trung Quốc, Hồng Kông, Malaysia, Singapo, Thái Lan và Đài Loan (Trung Quốc) đã thực hiện các gói kích thích tài khóa quy mô lớn nhằm kích cầu trong nước với giá trị dao động từ 4,1% - 16% GDP.

- Về hợp tác quốc tế: củng cố và tăng cường khuôn khổ hợp tác và giám sát tài chính khu vực Asean, Asean+3, Ủy ban ổn định tài chính và tiền tệ khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, cụ thể là tăng cường đa phương hóa Sáng kiến Chiangmai, hợp tác chia sẻ và cung cấp thông tin giám sát trong khu vực nhằm duy trì và ổn định tài chính tiền tệ.

PHẦN 2: Kiến nghị chính sách, giải pháp khắc phục những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu đối với Việt Nam và TP.HCM trong năm 2009 - 2010:

Cuộc khủng hoảng và suy thoái khiến mọi DN trên toàn thế giới, từ các tập đoàn khổng lồ đến các DN vừa và nhỏ đều bị ảnh hưởng, trong đó Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Sự xuống dốc “Không phanh” của thị trường chứng khoán, tình trạng làm ăn thua lỗ buộc phải sa thải nhiều lao động; thậm chí đã có không ít DN phá sản, lâm vào cảnh nợ nần chồng chất.. đã tạo bức tranh u ám của nền kinh tế toàn cầu trong giữa năm 2008 và hiện tại chưa thể khẳng định được “đáy” của cuộc khủng hoảng sẽ đi đến đâu?

1/ Để đối phó cuộc khủng hoảng Chính phủ đã đưa ra một số nhóm giải pháp được coi là cấp bách, nhằm hỗ trợ các DN thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, đã dành 1 tỷ USD để kích cầu đồng thời hỗ trợ lãi suất 4% cho mọi đối tượng là DN vừa và nhỏ. Chính phủ đã cho ý kiến bảo lãnh tín dụng cho các DN có vốn điều lệ 20 tỷ đồng trở xuống và dưới 500 lao động với mức bảo lãnh tối đa bằng 100% số nợ gốc và lãi phát sinh; cấp 200 tỷ đồng để Ngân hàng PTVN hình thành vốn ban đầu cho Quỹ bảo lãnh tín dụng; đồng thời cho phép DN giảm 30% thuế thu nhập DN của quý IV/2008 và năm 2009. Giãn thời hạn nộp thuế thu nhập DN trong 9 tháng của năm 2009 đối với các DN vừa và nhỏ... Ngoài các biện pháp đẩy mạnh kích cầu đầu tư và tiêu dùng thông qua giải ngân nguồn vốn NSNN, trái phiếu Chính phủ, ODA, Chính phủ đã cam kết sẽ thực hiện các giải pháp để tăng cường khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho các DN, tiếp tục hạ lãi suất cơ bản và cho phép các tổ chức tín dụng nhân dân cho vay theo lãi suất thỏa thuận. Đi liền theo đó Chính phủ sẽ điều hành tỷ giá ngoại tệ theo nguyên tắc thị trường, nhằm khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu..

Các DN cần nghiên cứu kỹ, vận dụng để có thể hưởng những ưu đãi, góp phần duy trì, phát triển sản xuất kinh doanh một cách tốt nhất. Các DN ngoài các mặt hàng và thị trường có thể mạnh xuất khẩu, cần đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển các mặt hàng thay thế; chú trọng đến sản xuất các mặt hàng tiêu thụ nội địa để vừa giúp các DN phát triển sản xuất kinh doanh vừa tạo công ăn việc làm cho người lao động, trong cái khó tạo ra những “cơ hội vàng”. DN phải

tìm những giải pháp thích ứng trên cơ sở xác định rõ những tiêu chí, những bước đi cụ thể, rõ ràng, chi tiết: phải đảm bảo xây dựng kế hoạch về vốn, từ đó có kế hoạch đầu tư, mở rộng và phát triển kinh doanh theo tiêu chí riêng. DN cần dự tính các chi phí, chi tiêu, kế hoạch thu nhập, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận và kế hoạch luân chuyển tiền tệ phù hợp.

2/ Một vài gợi ý cần xem xét một số tiêu chuẩn để lựa chọn chính sách:

Thứ nhất, phải lấy tiêu chuẩn hiệu quả làm đầu để lựa chọn. Tính hiệu quả được hiểu đầu tiên là đảm bảo hay tạo ra nhiều công ăn việc làm, mang lại hiệu quả kinh tế lớn, có độ lan toả nhanh và lớn, thúc đẩy cải thiện cán cân thương mại. Phải ưu tiên các ngành dùng nhiều lao động. Nếu người lao động tiếp tục có việc làm, có thu nhập thì sẽ có cơ sở để kích thích tiêu dùng. Đây có lẽ phải là tiêu chuẩn số một để lựa chọn kích thích. Thúc đẩy cải thiện cán cân xuất nhập khẩu. Khu vực doanh nghiệp nhà nước là khu vực tạo ra thâm hụt thương mại lớn nhất, khu vực nông nghiệp, ngư nghiệp, các doanh nghiệp vừa và nhỏ tạo ra nhiều xuất khẩu. Như vậy khu vực thoả mãn tiêu chí này cũng là khu vực thoả mãn tiêu chí về hiệu quả nêu trên và cũng là khu vực sử dụng nhiều lao động.

Thứ hai, gói kích thích mang tính ngắn hạn, khẩn cấp nên yếu tố thời gian rất quan trọng. Các biện pháp nào không thoả mãn yếu tố thời gian (tức là triển khai kéo quá dài) thì nên gán cho độ ưu tiên thấp. Thí dụ, chính sách hỗ trợ xăng dầu cho ngư dân đưa ra từ cuối tháng 3 nhưng đến đầu tháng 12 mới đến tay ngư dân và như thế đã thực sự không phát huy tác dụng kịp thời.

Thứ ba, tuy mang tính ngắn hạn song phải theo hướng với cải cách dài hạn hoặc không gây cản trở cho các nỗ lực cải cách dài hạn nhằm đưa nền kinh tế vào giai đoạn phát triển mới. Chính sách thúc đẩy đầu tư hạ tầng là chính sách dài hạn, không phải chính sách ngắn hạn và khẩn cấp nên phải cân nhắc rất thận trọng khi lựa chọn trong gói kích thích. Tuy nhiên, các dự án hạ tầng có hiệu quả, sắp xong nên được khẩn cấp đầu tư thêm để hoàn tất nhằm phát huy tác dụng ngay. Cải cách hành chính, thủ tục không tốn nhiều tiền (nhưng cần quyết tâm chính trị cao) có thể mang lại hiệu quả tức thì và hợp với quá trình cải tổ trung dài hạn. Thí dụ, sửa bằng cách bỏ khoản 1 của Điều 476 Luật Dân sự (quy định trần lãi suất 150%) sẽ có tác động tích cực to lớn lên hệ thống ngân hàng (có thể mang lại hiệu quả hơn cả gói kích thích 1 tỉ USD). Khủng hoảng tạo cơ hội để tiến hành cải cách triệt để, nên tận dụng cơ hội này.

3/ Cơ hội phát triển của Việt Nam và TP.HCM trong năm 2009 – 2010 và Bài học kinh nghiệm rút ra trong hoạch định cơ chế chính sách và điều hành kinh tế - xã hội từ cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu:

Nền kinh tế Việt Nam vẫn dựa vào xuất khẩu, Việt Nam nên cố gắng giảm sự phụ thuộc vào những thị trường lớn mà tập trung đa dạng hoá thị trường. Theo dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia, không chỉ gây ảnh hưởng trực tiếp đến xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ, mà cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ còn tác động gián tiếp đến tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang EU và Nhật Bản – hai thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam. Phân tích của các chuyên gia kinh tế cho thấy, do bị tác động mạnh từ cuộc khủng hoảng, người tiêu dùng của các thị trường này cũng phải cắt giảm chi tiêu, nên nhu cầu nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng sẽ có xu hướng giảm.

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia kinh tế thì kinh tế Mỹ có thể phải tới cuối năm 2010 mới phục hồi, người tiêu dùng Mỹ sẽ phải cắt giảm chi tiêu, kéo theo cầu nhập khẩu hàng hóa giảm, vì vậy, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ khó có thể đạt mức 30%/năm như trong thời gian qua, mà chỉ đạt khoảng 20% trong giai đoạn 2009 – 2010. Các thị trường EU, Nhật Bản cũng sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc khủng hoảng của Mỹ. Cộng thêm những khó khăn của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam, do tín dụng thắt chặt, giá nguyên liệu đầu vào tăng cao, khiến giá thành sản xuất cao, hàng hóa khó cạnh tranh, thì xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới chắc chắn sẽ chịu những ảnh hưởng tiêu cực.

Không chỉ xuất khẩu bị ảnh hưởng mà theo Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia, cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ sẽ tác động không nhỏ tới thị trường tài chính - tiền tệ, thị trường chứng khoán, bất động sản và cả vấn đề giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Tuy vậy, những tác động này được cho là sẽ có một độ trễ nhất định, do sự hội nhập quốc tế về tài chính, tiền tệ của Việt Nam chưa sâu và chưa toàn diện.

Tất nhiên, hệ thống và thị trường tài chính Việt Nam không thể tránh khỏi những "chấn động" nhất định dù hệ thống và thị trường tài chính chưa hội nhập thật sâu rộng với thị trường quốc tế. Cộng hưởng còn có tác động qua kênh cán cân thanh toán quốc tế lên hệ thống tài chính. Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế Mỹ và các đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu có thể hạn chế xuất khẩu của Việt Nam. Nhập siêu vẫn cao. Trong khi đó, huy động vốn từ bên ngoài khó khăn hơn; các luồng vốn vào (như kiều hối, FDI, đầu tư gián tiếp, vay thương mại) có thể giảm. Áp lực lên tỷ giá và hệ thống tài chính là không nhỏ.

4/ Cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay có thể có những tác động đáng kể đến Việt Nam:

Ở một góc nhìn khác, nó lại có ý nghĩa tích cực đối với Việt Nam khi cần nhìn lại mình để rút ra những bài học bổ ích về ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển lành mạnh hệ thống tài chính.

Thứ nhất, là bài học về giám sát tài chính và sự thận trọng trong chạy theo thời cuộc và “thời thượng”. Việt Nam cần đặc biệt quan tâm hơn đến việc xây dựng tốt những nền tảng cơ bản cho phát triển hệ thống và thị trường tài chính (như khuôn khổ pháp lý về giám sát và tổ chức giám sát tài chính, việc phát triển các định chế đầu tư dài hạn, định mức tín nhiệm, hệ thống động lực, việc tổ chức lại hai sàn giao dịch chứng khoán...). Hiện tại, thông tin minh bạch và sự phân công, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan giám sát tài chính là đặc biệt quan trọng.

Thứ hai là bài học về xây dựng và củng cố niềm tin của công chúng. Bởi nhiều khi sự đổ vỡ của ngân hàng bắt nguồn từ tâm lý hoảng loạn thái quá của dân chúng. Bài học này liên quan đến việc sử dụng tốt một công cụ kiểm soát là bảo hiểm tiền gửi (BHTG). Tổ chức BHTG cần phát huy tốt vai trò của mình để tạo được niềm tin của công chúng đối với hệ thống tài chính ngân hàng và tham gia ngăn chặn, xử lý những rủi ro nhằm hạn chế sự đổ vỡ mang tính dây chuyền./.